

anh em quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, vận động nông dân giúp đỡ mọi mặt trong công việc đồng áng.

2) Trợ cấp cơm ăn trong những ngày làm việc, tập trung cho những cán bộ nghèo trong phạm vi kinh phí đã được cấp, việc trợ cấp không làm bình quân, tránh chia đều mỗi người một ít, để tập trung giúp đỡ cho những cán bộ nghèo, thật sự cần được giúp đỡ.

3) Mỗi xã tùy lớn nhỏ cần đào tạo ít nhất từ bốn đến năm người, để giúp Ủy ban trong công tác thuế.

Trong số này chọn hai người khả làm thư ký cho ban thuế nông nghiệp xã ở trong bộ phận thường trực. Hai người này có nhiệm vụ: giúp đỡ ban thuế xã trong mọi công tác đề thu thuế; xong vụ thu thì tập trung số liệu, thanh toán sổ sách nghiên cứu chuẩn bị cho vụ sau, đồng thời chuyên trách giúp Ủy ban trong công tác điều chỉnh ở xã.

Thuế nông nghiệp lũy tập trung thu vào hai vụ, vụ chiêm, mùa, trong một thời gian công tác còn có tình chất thường xuyên, việc điều chỉnh sản lượng lại rất phức tạp, nên cán bộ làm thuế nông nghiệp cần được chuyên trách.

Vì vậy, nên tránh điều động cán bộ thuế đi làm công tác khác (kể cả cán bộ trong ban thuế nông nghiệp xã và những anh em tuy không có trong ban thuế nhưng trực tiếp giúp Ủy ban làm thuế).

Giữa mùa làm thuế nên thu xếp để miễn các công tác khác cho anh em, gặp lượt đi dần công trong vụ thu thì nên miễn hay hoãn đến một kỳ khác.

Bộ đề nghị các Ủy ban phủ biển thông tư này đến tận cấp xã và theo dõi, thi hành cho đúng.

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRINH VĂN BÌNH

BỘ GIÁO DỤC

NGHỊ ĐỊNH số 1.114-ND ngày 18-10-1957
thành lập tại Hải-phòng một trường
Bồ túc nghiệp vụ cho giáo viên trường
quốc lập cấp I.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Chờ sắc lệnh số 119-SL ngày 9-7-1955 thành lập Bộ
Giáo dục;

Xét đề nghị của các Ủy ban Giám đốc Vụ Sư phạm và
Giám đốc Vụ Tổ chức cán bộ về việc bổ sung và sửa đổi
nghị định số 445 ND ngày 31-7-1957 thành lập trường Bồ
túc giáo viên cấp I tại Hải phòng.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập tại Hải phòng một trường Bồ túc nghiệp vụ cho giáo viên cấp I để bồi dưỡng văn hóa và chuyên môn cho giáo viên cấp I quốc lập.

Trụ sở của trường đặt tại trường Sư phạm sơ cấp Hải phòng cũ.

Điều 2. — Trường Bồ túc nghiệp vụ cho giáo viên cấp I Hải phòng đặt dưới quyền quản lý mọi mặt của Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng.

Vụ Sư phạm có nhiệm vụ chỉ đạo và giúp đỡ về mặt chuyên môn.

Điều 3. — Kinh phí của trường Bồ túc nghiệp vụ do tổng dự toán trung ương đài thọ và cấp phát qua Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng.

Điều 4. — Các chi tiết về tổ chức, chế độ nhà trường, lễ lối làm việc, tiêu chuẩn và quyền lợi của học viên do một thông tư của Bộ quy định.

Điều 5. — Các điều khoản quy định trước trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 6. — Các ông Chánh văn phòng, Giám đốc Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Vụ Sư phạm, Bộ Giáo dục và Ủy ban Hành chính thành phố Hải phòng chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

NGHỊ ĐỊNH số 330-ND ngày 23-10-1957
điều chỉnh cước phí bưu điện trong
nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 1-ND ngày 3-1-1955, số 52-ND ngày 1-2-1955 và 109-ND ngày 7-3-1955 quy định cước phí bưu điện áp dụng trong nước;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện về điều chỉnh cước phí bưu điện trong nước;

Sau khi đã được Thủ tướng phủ phê chuẩn (công văn số 6232-CN ngày 11-10-1957),

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay quy định cước phí thư tín, điện báo điện thoại áp dụng trong nước như sau:

CHƯƠNG I

CƯỚC BƯU PHẪM

Điều 2. — Công văn và thư:

Mỗi bức hay mỗi gói 20 gr đầu

150 đ

20 gr hay phần lẻ 20 gr sau

80 đ

Điều 3. — Bưu thiếp trong nước :

Bưu thiếp đơn 80 đ
Bưu thiếp có trả lời 150,

Điều 4. — Ấn loát phàm, giấy tờ giao dịch, mẫu hàng :

Mỗi gói 50 gr dầu 50 đ
50 gr hay phần lẻ 50 gr sau 30,
Tối thiểu thu 80,

Điều 5. — Báo chí, tập san xuất bản định kỳ :

Mỗi gói 50 gr dầu 20 đ
50 gr hay phần lẻ 50 gr sau 10,

(không phân biệt Nhà xuất bản, cơ quan và tư nhân)

Điều 6. — Danh thiếp, thiếp hiếu hỷ, thiếp mời :

Đề ngỏ (không hạn chế số tiếng viết) 80 đ
Dán kín tính như thư 150,

Điều 7. — Sách đọc cho người mù : miễn cước.**Điều 8. — Bưu phàm bảo đảm : cước bảo đảm 200 đ**

(Ngoài cước bảo đảm tính thêm cước thường theo trọng lượng mỗi bưu phẩm).

Điều 9. — Bưu phàm địa chỉ lưu ký :

Sách báo, ấn phẩm một gói 20 đ
Thư 1 cái 50,

có thể thu ở người gửi, hoặc người nhận (dán bằng tem thư và hũy bằng nhật ấn).

Điều 10. — Công văn hỏa tốc ; bãi bỏ**Điều 11. — Gói nhỏ :**

Mỗi gói 50 gr dầu 150 đ
50 gr hay phần lẻ 50 gr sau 80,
Tối thiểu thu 300,

Điều 12. — Ngân vụ :

a) Chiếu theo số tiền gửi, thu cước tỷ lệ 2%, tối thiểu thu 200 đ.

b) Ngoài cước tỷ lệ, mỗi Thư chuyển tiền phải trả thêm bưu phí 150 đ dán bằng tem thư.

c) Bưu điện nhận chuyển những số tiền dưới 100.000 đ. Những số tiền trên 100.000 đ chỉ nhận chuyển giữa những nơi chưa có Ngân hàng hoặc đã có Ngân hàng nhưng Ngân hàng chưa nhận chuyển.

Điều 13. — Báo phát một bưu phẩm bảo đảm, một bưu kiện, báo trả một ngân phiếu :

a) Xin báo bằng thư ngay khi ký gửi bằng cước một bức thư thường 150 đ

— Xin báo bằng thư sau khi ký gửi bằng cước hai bức thư thường 300,

b) Xin báo bằng điện báo ngay khi ký gửi bằng cước 1 bức điện báo 10 tiếng 750,

— Xin báo bằng điện báo sau khi ký gửi bằng cước 2 bức điện báo 10 tiếng 1.500,

Điều 14. — Xin điều tra về bưu phẩm bảo đảm, bưu kiện, ngân phiếu :

Mỗi bưu phẩm hoặc nhiều bưu phẩm do một người cùng gửi một lúc tại một Bưu cục cho một người nhận 300 đ

Bưu phẩm đã có xin báo phát không phải trả cước khiếu nại.

Cước điều tra sẽ được hoàn lại nếu lỗi của Bưu điện ;

Nếu là bưu phẩm thường thì miễn cước.

Điều 15. — Xin hoàn lại một ngân phiếu, một bưu kiện chưa gửi đi :

Hoàn trả lại cước và thu thủ tục phí mỗi ngân phiếu hay mỗi bưu kiện 200 đ

Điều 16. — Xin chuyển hồi hoặc thay địa chỉ một bưu phẩm bảo đảm, một bưu kiện, một ngân phiếu đã gửi đi :

— Bằng thư : thu cước bằng một bức thư bảo đảm 350 đ

— Bằng điện báo : thu cước một bức điện báo theo số tiếng điện phải chuyển.

Điều 17. — Chuyển tiếp một bưu kiện đến địa chỉ khác :

Thu cước như một bưu kiện gửi từ địa chỉ cũ đến địa chỉ mới.

Điều 18. — Chuyển hồi một bưu kiện :

Thu cước như một bưu kiện gửi từ bưu cục chuyển hồi đến bưu cục gốc và cước lưu kho quá hạn nếu có.

Điều 19. — Cước lưu kho bưu kiện quá hạn :

Mỗi bưu kiện mỗi ngày quá hạn 50 đ

Điều 20. — Thuê hộp thư riêng : 1 năm 6.000 đ

6 tháng 3.000 đ

3 tháng 2.000 đ

trả trước từng thời gian 3 tháng một. Nếu ngày xin thuê bao không trùng vào tháng đầu tam cá nguyệt thì tính cước những tháng lẻ là 700 đ một tháng cộng với cước tam cá nguyệt sau, thu cùng một lúc.

Điều 21. — Bưu phẩm thường thiếu cước : thu gấp đôi số cước thiếu ;

— Cước thiếu tối thiểu một thư. 50 đ

— Cước thiếu tối thiểu một bưu phẩm khác 20 đ

Điều 22. — Bưu kiện :

Giá cước tính dựa theo giá cước vận chuyển ở ngoài cộng thêm phí tổn về nhân công, vật liệu, khấu hao, quản lý khai thác mà quy định cho từng khu vực.

Cước vận chuyển tính như sau :

a) Cước vận chuyển từ khu vực này sang khu vực kia : bằng cước vận chuyển từ trung tâm khu vực này đến trung tâm khu vực kia cộng cước vận chuyển bình quân trong khu.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
091 883 838

b) Cước vận chuyển trong khu băng cước vận chuyển thấp nhất từ khu vực ấy đến các khu vực khác.

CHƯƠNG II

CƯỚC ĐIỆN BÁO

Điều 23. — Điện báo phổ thông, điện báo tư nhân :

Mỗi tiếng thường	75đ
Mỗi tiếng khẩn	150đ
Thu tối thiểu 10 tiếng.	

Điều 24. — Điện báo chi :

Mỗi tiếng thường	20đ
Mỗi tiếng khẩn	75đ
Thu tối thiểu 10 tiếng.	

Điều 25. — Điện báo phòng không (PH. K.) : miễn cước.

Điều 26. — Điện báo an toàn tàu bay, tàu bè : thuộc loại cấp cứu (S.O.S); miễn cước, các loại khác (S.V.H); thu cước và xử lý như điện báo chính vụ, công ích, bảo, chống lụt.

Điều 27. — Điện báo an toàn quốc gia, công ích, chính vụ điện báo bảo, chống lụt :

Mỗi tiếng 75đ, được chuyển ưu tiên trước các loại điện báo khác và cước không tính gấp đôi.

Điều 28. — Điện báo gửi phát tại ngay Bureau gốc : nếu không phải chuyển bằng điện : thu 1/2 cước tiếng điện thường, tối thiểu thu 10 tiếng. Nếu phải chuyển một quãng đường nào bằng điện : thu cước bằng một tiếng điện thường, tối thiểu thu 10 tiếng. Phát như điện báo khẩn.

Điều 29. — Điện báo đối chiếu : (T.C)

— Mỗi tiếng thường 115đ (cước chính một tiếng 75đ cộng thêm 40đ cước phụ).

— Mỗi tiếng khẩn 190đ (cước chính một tiếng điện khẩn 150đ cộng thêm 40đ cước phụ).

Điều 30. — Điện báo bội điện : (T.M)

a) Cước chính : mỗi tiếng 75đ, tính theo tổng số tiếng.

b) Cước phụ : mỗi bản sao mỗi địa chỉ thu thêm 1/4 cước chính của một bức điện thường cùng loại và cùng số tiếng.

Khẩn chỉ tính gấp đôi phần cước chính (công sao chép một bức điện khẩn thuộc loại nào tính như công sao chép của một bức điện thường loại ấy).

Điều 31. — Điện báo đánh nhiều nơi : mỗi nơi tính một lần cước.

Điều 32. — Điện báo phát nhanh (X.P).

Ngoài cước bức điện thu trước tiền thuê phát nhanh cứ mỗi một cây số 400đ (kể cả đi và về) tối thiểu 1.000đ.

Điều 33. — Điện báo dùng điện thoại chuyên khi đánh đi và khi đến (trong mạng lưới nội hạt).

Ngoài cước chính bức điện, thu thêm mỗi bức điện cứ 50 tiếng hay phần lẻ 50 tiếng 200đ

Chỉ nhận và chuyển điện báo viết bằng mình ngữ Việt-nam. Không hạn chế số tiếng.

Điều 34. — Điện báo chuyển tiếp : tính như một bức điện mới theo số tiếng mới sau khi đã chữa lại địa chỉ.

Điều 35. — Báo phát điện báo :

a) — Xin báo bằng điện báo ngay lúc gửi 750đ

— Xin báo bằng điện báo sau khi gửi 1500đ

b) — Xin báo bằng thư ngay lúc gửi 150đ

— Xin báo bằng thư sau khi gửi 300đ

Điều 36. — Xin xem bức điện gốc đã chuyển đi : xem ngay ở ghi-sê 200đ

Điều 37. — Xin bản sao bức điện :

Cứ 50 tiếng hay phần lẻ 50 tiếng 200đ

Điều 38. — Xin hủy bỏ một điện báo chưa đánh đi :

Hoàn lại cước và giữ lại phần thủ tục phí mỗi điện báo 200đ

Điều 39. — Đăng ký tên tắt điện báo :

1 năm 10.000đ

6 tháng 6.000đ

3 tháng 3.000đ

thu từ 3 tháng một trở lên, kể từ ngày đăng ký.

Điều 40. — Thẻ gửi điện báo chi, điện báo công ích : 1.000đ

Điều 41. — Xin lại biên lai vì mất biên lai cũ :

Mỗi biên lai 200đ

Điều 42. — Xin điều tra một bức điện nghi chậm hoặc không đến nơi : 300đ

Những bức điện có báo phát không phải trả cước điều tra. Cước điều tra được hoàn lại nếu lỗi về Bureau điện.

Điều 43. — Điện báo viết bằng ngoại ngữ đã được quy định trong thẻ lệ :

Mỗi tiếng thường 150đ

Mỗi tiếng khẩn 300đ

Điều 44. — Điện báo địa chỉ lưu ký :

— Thường (GP) ngoài cước chính, thu thêm cước lưu ký 50đ dán bằng tem thư thu ngay khi ký gửi.

— Bảo đảm (GPR) ngoài cước chính, thu thêm cước lưu ký 250đ (lưu ký 50đ + bảo đảm 200đ).

Điều 45. — Phát điện báo địa chỉ tắt hết hạn đăng ký :

Mỗi bức 200đ

09668138

TAVO 3845 6684 * và Viện Văn

Điều 46. — Điện báo tàu bè :

Tàu ngoại quốc mỗi tiếng thường 1,03 franc or
 Tàu ngoại quốc mỗi tiếng khẩn 1,26 franc or
 Tàu Việt nam mỗi tiếng thường 0,55 franc or
 Tàu Việt nam mỗi tiếng khẩn 0,70 franc or
 Tối thiểu thu 10 tiếng.

Điều 47. — Điện báo dùng máy điện báo :
 để chuyển khi đánh đi và khi đến trên các đường
 giây chuyển dụng.

Ngoài cước chính bức điện thu thêm mỗi bức
 cứ 50 tiếng hay phần lẻ 50 tiếng : 200d.

CHƯƠNG III**CƯỚC ĐIỆN THOẠI NỘI HẠT**

Điều 48. — Máy chính : (gồm cước thuê giây,
 tu bổ giây, thuê máy, tu bổ máy, pile). Mỗi máy
 một tháng :

Trong mạng lưới từ 1 đến 50 thuê bao 13.000d
 Trong mạng lưới từ 51 đến 200 thuê bao 15.000d
 Trong mạng lưới từ 201 đến 500 thuê bao 18.500d
 Trong mạng lưới từ trên 500 thuê bao 23.500d

Những thuê bao nào đã ở trong khu vực kinh
 doanh mạng lưới nội hạt bưu điện đã trả 100%
 chi phí khi đặt giây thì được trừ tiền thuê giây
 mỗi tháng 3.500d kể từ ngày áp dụng cước phí mới
 cho đến khi xây dựng lại mới mạng lưới nội hạt,
 hoặc không quá 3 năm kể từ ngày có nghị định
 cước phí mới.

Điều 49. — Máy phụ :

Trong các mạng lưới mỗi máy mỗi tháng
 6.500d

Điều 50. — Chuồng phụ đặt ngoài máy :

Mỗi chuồng mỗi tháng : 1.000d

Điều 51. — Thuê bao bảng điện thoại — Mỗi
 tháng :

a) **Đường giây chính nối tổng đài với Bưu điện**
 (gồm tiền thuê giây, cước tu bổ, cước nói chuyện)

Trong mạng lưới từ	1 đến 50	thuê bao	18.000d
—	51 — 200	thuê bao	22.500d
—	201 — 500	thuê bao	31.500d
	trên 500	thuê bao	45.000d

b) **Thuê và tu bổ bảng điện thoại** (kể cả pile)
 trong các mạng lưới : từ 2 đến 10 số 10.000d

trên 10 — 20 — 15.000d

— 20 — 50 — 27.000d

— 50 — 100 — 39.500d

c) **Thuê, tu bổ máy nhánh** (kể cả đường giây
 nhánh và pile) trong các mạng lưới mỗi máy 4.500d

Điều 52. — Máy nối thẳng :

a) **Máy nối thẳng qua phân tuyến Bưu điện** (kể
 cả 2 máy) mỗi tháng : 17.000d

b) **Máy nối thẳng không qua phân tuyến Bưu
 điện** (kể cả 2 máy) mỗi tháng : 12.500d

Điều 53. — Nói điện thoại ở phòng công cộng
 trong mạng lưới nội hạt (tính theo đơn vị 3 phút
 hay phần lẻ 3 phút cũng tính 1 đơn vị) trong giờ
 mở cửa làm việc mỗi đơn vị : 200d

Điều 54. — Nói điện thoại ở máy thuê bao :
 Ngoài giờ mở cửa làm việc mỗi đơn vị 200d
 (theo giờ mà Tổng cục Bưu điện quy định cho
 từng Bưu cục).

Điều 55. — Đặt máy chính và tổng đài :

Thuê bao trả thực chi công và vật liệu từ đầu
 giây ở cột ngoài đường vào máy chính hoặc vào
 tổng đài thêm 20% quản lý phí.

Điều 56. — Đặt máy phụ và máy nhánh :

Thuê bao trả thực chi về công và vật liệu từ
 máy chính đến máy phụ, hoặc từ tổng đài đến máy
 nhánh thêm 20% quản lý phí.

**Điều 57. — Chuyển máy hoặc di chuyển đường
 giây :**

Thuê bao trả chi phí về công chuyển máy hoặc
 di chuyển đường giây và vật liệu thêm 20% quản
 lý phí. Tối thiểu thu 1.500d về công chuyển môn
 vật liệu, nhân công thuê tính ngoài.

**Điều 58. — Đặt giây ngoài khu vực kinh
 doanh :**

Thuê bao trả thực chi công, vật liệu về phần
 ngoài khu vực kinh doanh từ cột phân điện khu
 vực kinh doanh đến nhà thuê bao thêm 20% quản
 lý phí.

**Điều 59. — Tu bổ giây ngoài khu vực kinh
 doanh :**

Ngoài khu vực kinh doanh trong phạm vi 3km
 theo chiều dài đường giây cứ 100m tính 100d mỗi
 tháng, tối thiểu 1.000d. Cột hỏng phải thay thuê
 bao phải chịu chi phí cộng thêm 20% quản lý phí.

Đối với những nơi nào chưa qui định khu vực
 kinh doanh, tạm thời bưu điện đảm nhiệm việc tu
 bổ thường xuyên trong phạm vi 3km theo đường
 giây, mỗi tháng 1.000d. Cột hỏng phải thay thuê
 bao phải chịu chi phí cộng thêm 20% quản lý phí.

Ngoài khu vực kinh doanh ngoài phạm vi 3km
 theo thực chi thêm 20% quản lý phí.

Điều 60. — Nhượng máy :

Thu ở thuê bao kế tục về thủ tục phí : 5.000d.

Điều 61. — Thuê giây :

Trên nguyên tắc ngành Bưu điện không đặt
 vấn đề cho thuê giây vì không có đủ khả năng.

Cước ấn định chỉ tạm thời giải quyết một vài trường hợp đặc biệt như phục vụ chống lụt, mít tinh v.v....

1 tháng	20%
3 tháng	45%
6 tháng	60%
9 tháng	70%
trên 9 tháng	100%

Tính theo đơn vị tháng, không đủ 1 tháng cũng tính 1 tháng.

Thuê bao phải trả tiền thuê giấy, tiền mắc giấy, tiền gỡ giấy và 20% quản lý phí.

Điều 62. — Thuê cột đèn mắc giấy :

Cột gỗ, cột tre, lưỡng mỗi cột mỗi tháng 300 đ
Cột sắt, ciment — 200 đ

Ngoài khu vực kinh doanh trên 1 đường cột có nhiều thuê bao đi chung, những thuê bao sử dụng chung cột sẽ chia nhau dài thọ về chi phí tu sửa, nhân công vật liệu cộng thêm 20% quản lý phí.

Điều 63. — Trồng nom tổng đài tư :

Tổng đài từ 2 đến 10 số	3.000 đ
trên 10 — 20 —	4.500,
— 20 — 50 —	7.500,
— 50 — 100 —	10.000,

Điều 64. — Trồng nom máy điện thoại tư :

Mỗi máy mỗi tháng 2.000 đ

Các bộ phận cần phải thay tinh riêng theo giá của bưu điện cộng thêm 20% quản lý phí.

Điều 65. — Trồng nom máy nhánh tư : (kể cả đường giấy nhánh trong phạm vi 200m) 2.500đ.

Ngoài phạm vi 200m tính thêm cứ 100m : 100đ một tháng.

Điều 66. — Danh bạ điện thoại : mỗi máy chính được phát một quyển không tính tiền.

Nếu lấy thêm sẽ tính theo giá thành của bưu điện cộng thêm 20% quản lý phí.

CHƯƠNG IV

CƯỚC ĐIỆN THOẠI ĐƯỜNG DÀI

Điều 67. — Điện thoại gọi số :

Tính theo đơn vị 3 phút. Thương :

từ 0 đến 25m	600đ
trên 25 — 50—	900,
— 50 — 100—	1.200,
— 100 — 150—	1.500,
— 150 — 200—	1.800,
— 200 — 250—	2.100,
— 250 — 300—	2.400,
trên 300km cứ 100km	thu thêm 300,

Khẩn tinh gấp đôi.

Điều 68. — Điện thoại báo trước : báo trước cho người được gọi ở máy thuê bao để chuẩn bị

nói chuyện điện thoại : thu 1/3 đơn vị trên đường nói chuyện điện thoại.

Điều 69. — Điện thoại giấy báo gọi : giấy báo người đến phòng công cộng nói điện thoại : thu 1/3 đơn vị trên đường nói chuyện điện thoại.

Điều 70. — Xóa sổ ghi phải nộp cước :

a) Xóa điện thoại báo trước hoặc xin hủy giấy báo gọi : chưa chuyển : hoàn lại cước, thu thủ tục phí 200đ. ; đã chuyển rồi : không hoàn lại cước.

b) Xin hủy cuộc đàm thoại : chưa chuyển : thu thủ tục phí 200đ, đã chuyển rồi : thu 1/2 đơn vị đàm thoại trên quãng đường xin nói chuyện trong những trường hợp :

1 — Người hoặc số được gọi không trả lời, người được gọi đi vắng, hoặc từ chối nói chuyện.

2 — Đã cho liên lạc đàm thoại nhưng không nói chuyện.

3 — Người hoặc số xin hủy không muốn nói chuyện.

Điều 71. — Thuê đường điện thoại đường dài :

Tính cước như mỗi ngày nói chuyện 100 đơn vị điện thoại thường, mỗi tháng tính 30 ngày.

CHƯƠNG V

THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Điều 72. — Nghị định này thi hành kể từ ngày 1-11-1957 các thể lệ và nghị định trước trái với nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 73. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện chiểu nghị định thi hành.

Hà nội, ngày 23 tháng 10 năm 1957

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện
NGUYỄN VĂN TRẦN

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ số 49—BYT/TT ngày 15-10-1957 về quy định tạm thời chế độ bồi dưỡng sức khỏe cho cán bộ và công nhân viên ngành y tế làm công tác radium, điện quang và điều trị bệnh lao, bệnh hủi.

Xét thông tư của Bộ Y tế số 10.869—BYT/TT ngày 18-12-1955 quy định tạm thời chế độ phụ cấp nguy hiểm :

Xét trong khi chờ đợi có một chế độ thống nhất về bảo hộ lao động, cần bồi dưỡng sức khỏe cho những cán bộ, công nhân viên trong ngành y tế chuyên làm công tác điều trị bệnh lao, bệnh hủi và dùng điện quang, kim radium để chữa bệnh :

Sau khi được sự thỏa thuận của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trong cuộc họp ngày 10 tháng 10 năm 1957 :

668138

www.LawSoff.com * Tel: +84-8-38446684